TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 312/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 09 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 281/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông Võ Văn L, sinh ngày: 10/11/1975. Căn cước công dân số 048075016975 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 30/9/2021. Nơi cư trú: Tổ C, phường N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị P, sinh ngày: 20/11/1979. Căn cước công dân số 048179007625 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/9/2021. Nơi cư trú: Tổ C, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 6 năm 2026, người yêu cầu là bà Trần Thị P và ông Võ Văn L đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L đăng ký kết hôn năm 1998 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 45

ngày 06/5/1998). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường phát sinh cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn trách nhiệm gì với nhau. Nay ông bà đều thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L xác định có 02 con chung là Võ Văn K sinh ngày 13/10/1997 và Võ Văn H sinh ngày 12/01/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Võ Văn L và bà Trần Thị P thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005672 ngày 28/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/5/1998 không còn giá trị pháp lý*).

* Về con chung: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L xác định có 02 con chung là Võ Văn K sinh ngày 13/10/1997 và Võ Văn H sinh ngày 12/01/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về nợ chung: Bà Trần Thị P và ông Võ Văn L xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Toà án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000 đồng ông Võ Văn L và bà Trần Thị P thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005672 ngày 28/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, Tp Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Mạnh

TAND KHU VỰC 2

4OQ090626.TL.QDBA
1383